

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
KHU VỰC 6- THANH HOÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 12- 2025

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hiếu, bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh- Thư ký Tòa án nhân dân
(TAND) khu vực 6- Thanh Hóa

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Thanh Hóa tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở TAND khu vực 6- Thanh Hóa xét xử
sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 95/2025/TLST-
HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18
tháng 11 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L - sinh ngày 07/12/1988

CCCD số: 038188011162

Cư trú tại: Thôn M, xã H, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ tại Nhật Bản: 224- 0025 H, T- ku, yokohama, K

(vắng mặt có lý do)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Cư trú tại: Khối Y, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T,
tỉnh Nghệ An (vắng mặt có lý do)

Bị đơn: Anh Tổng Xuân D - sinh ngày: 15/05/1983

CCCD số 038083020887

Cư trú tại: Thôn M, xã H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị [Lê Thị L](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh [Tống Xuân D](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 46/2009 ngày 10/12/2009 tại [Ủy ban nhân dân xã H, huyện H](#) (nay là [ủy ban nhân dân xã H](#)). Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung là cháu [Tống Lê Quỳnh A](#) sinh ngày 03/12/2010 và cháu [Tống Lê Tuấn A1](#) sinh ngày 05/02/2013. Tuy nhiên, sau thời gian chung sống và sinh con, quan điểm và tính tình của hai vợ chồng thay đổi và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị sau đó đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, tình cảm vợ chồng cũng từ đó mà càng trở nên xa cách. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được, nên chị làm đơn đề nghị TAND khu vực 6 - Thanh Hóa xem xét cho chị được ly hôn với anh [Tống Xuân D](#).

- Về con cái: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu [Tống Lê Quỳnh A](#) sinh ngày 03/12/2010 và cháu [Tống Lê Tuấn A1](#) sinh ngày 05/02/2013. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng giao 02 con chung cho anh [Tống Xuân D](#) được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 13/10/2025 anh [Tống Xuân D](#) trình bày: Anh và chị [Liên kết H](#) trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H](#) năm 2009. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do làm ăn không may mất mát, phải vay mượn nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị [L](#) đi xuất khẩu lao động hơn 1 năm nay không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nếu chị [L](#) làm đơn ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung. [Tống Lê Quỳnh A](#), sinh ngày 03/12/2010, [Tống Lê Tuấn A1](#), sinh ngày 03/02/2013. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng xin được nuôi 2 con không đề nghị cấp dưỡng. Tổng thu nhập bình quân của anh khoảng 12.000.000đ.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 23/10/2025 ông [Tống Viết N](#)- tổ trưởng an ninh trật tự [thôn M](#) cung cấp: Chị [Lê Thị L](#) và anh [Tống Xuân D](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H](#) (nay là [xã H](#)), [tỉnh Thanh Hóa](#) năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung là [Tống Lê Quỳnh A](#) và [Tống Lê Tuấn A1](#). Năm 2024 chị [L](#) đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vì vợ chồng xa cách nhau, tình cảm lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị [L](#) làm đơn ly hôn anh [D](#) đề

ngợi Toà án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Anh Dũng hiện nay là trưởng thôn [M](#), hai con đang ở cùng anh [D](#).

Quá trình giải quyết vụ án ngày 14/11/2025 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 128 ngày 29/10/2025, tuy nhiên, anh [Tống Xuân D](#) có mặt, chị [Lê Thị L](#) vắng mặt có lý do, chị [Lê Thị L](#) và anh [Tống Xuân D](#) đều có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (viết tắt: [B](#)), TAND khu vực 6- Thanh Hoá tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị [Lê Thị L](#) và anh [Tống Xuân D](#) có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt chị [Lê Thị L](#) và anh [Tống Xuân D](#).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án theo đúng quy định của BLTTDS và các văn bản pháp luật liên quan, không có vi phạm.

Đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Lê Thị L](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Lê Thị L](#) được ly hôn với anh [Tống Xuân D](#).

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu: [Tống Lê Quỳnh A](#), sinh ngày 03/12/2010 và cháu [Tống Lê Tuấn A1](#), sinh ngày 05/02/2013 cho anh [Tống Xuân D](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 2 cháu đến tuổi thành niên. Khoản cấp dưỡng hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị [Lê Thị L](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị [Lê Thị L](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Tống Xuân D](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Chị [L](#) hiện nay đang lao động tại Nhật Bản, anh [D](#) cư trú tại [thôn M, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6- Thanh Hoá theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, điểm

d khoản 1 Điều 469 BLTTDS; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025.

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Tổng Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 46/2009, quyển số 01 ngày 10/12/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì quan điểm và tính tình thay đổi nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Anh D trình bày cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị L phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có, đời sống chung không thể kéo dài. Nên anh D đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Tổng Xuân D.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Tổng Lê Quỳnh A (nữ), sinh ngày 03/12/2010 và cháu Tổng Lê Tuấn A1 (nam), sinh ngày 05/02/2013

Sau khi ly hôn, chị L đồng ý để anh Tổng Xuân D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu Tổng Lê Quỳnh A và Tổng Lê Tuấn A1. Về cấp dưỡng nuôi con không đạt ra.

HĐXX thấy, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con cái là của bố, mẹ. Tuy nhiên hiện nay chị L đang ở nước ngoài (Nhật Bản), chị L đồng ý giao 2 con cho anh D nuôi dưỡng, anh D đang ở thôn M, xã H, tỉnh Thanh Hóa, anh D cũng có nguyện vọng xin được nuôi 2 cháu và nguyện vọng của hai cháu cũng xin được ở với anh D. Vì vậy, cần giao 2 cháu Tổng Lê Quỳnh A, sinh ngày 03/12/2010 và cháu Tổng Lê Tuấn A1, sinh ngày 05/02/2013 cho anh Tổng Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 2 cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng hai bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản: Hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí DSST: Chị Lê Thị L phải nộp án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

** Căn cứ:*

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277, Điều 280 và điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83, 84, 122, 123 và Điều 127 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 5 Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử*: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Lê Thị L](#).

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Lê Thị L](#) được ly hôn với anh [Tống Xuân D](#).

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Tống Lê Quỳnh A](#) (giới tính: nữ) sinh ngày 03/12/2010 và cháu [Tống Lê Tuấn A1](#) (giới tính: nam) sinh ngày 05/02/2013 cho anh [Tống Xuân D](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Lê Thị L](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [Nguyễn Thị T](#) là người đại diện theo uỷ quyền đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 07/10/2025 theo biên lai thu số: 0001108. Như vậy, chị [L](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị [Lê Thị L](#) và anh [Tống Xuân D](#).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật; Bị đơn có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;

TÒA

- Đương sự;

- THA Dân sự tỉnh Thanh Hoá;

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

- UBND phường xã Hà Long (10/12/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TỔNG THỊ HÀ